

MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CUỘC TỔNG ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN NĂM 2006

PGS.TS. Nguyễn Sinh Cúc*

Cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011, tiến hành theo Quyết định số 1785/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. Để xây dựng Phương án cho cuộc điều tra này, Thường trực Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương (TĐTTW) đã tham khảo và tiếp thu nhiều bài học kinh nghiệm rút ra từ 3 cuộc Tổng điều tra trước đó (1994, 2001 và nhất là 2006). Trong phạm vi bài báo này, tác giả xin giới thiệu 2 bài học kinh nghiệm (xác định nội dung và phương pháp) rút ra từ cuộc TĐT năm 2006.

1. HAI BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Bài học thứ nhất: Xác định đúng nội dung Tổng điều tra.

Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006 (sau đây viết tắt là TĐT2006) đã kế thừa nhiều nội dung được thu thập trong Tổng điều tra năm 2001 và năm 1994, đồng thời có bổ sung một số nội dung mới phù hợp với yêu cầu của các cấp, các ngành. Các nội dung bổ sung là các thông tin về hiệu quả sản xuất một số nông sản, thủy sản chủ yếu, thông tin về nông thôn như: kết quả thực hiện một số chương trình mục tiêu quốc gia về hỗ trợ người nghèo, sử dụng nước sạch, vệ

sinh môi trường, xử lý chất thải trên địa bàn nông thôn,...và các thông tin cơ bản khác về cơ sở hạ tầng, hệ thống các hoạt động dịch vụ, môi trường sống và hệ thống khuyến nông, lâm, ngư từ cấp xã đến cấp thôn.

Nhìn chung, với hệ thống phiếu điều tra gồm 7 loại, trong đó 5 loại phiếu điều tra toàn bộ và 2 loại phiếu điều tra mẫu với nhiều chỉ tiêu đảm bảo cung cấp những thông tin cơ bản phản ánh được thực trạng nông thôn và bức tranh tổng thể về nền sản xuất nông nghiệp, thủy sản nước ta trong năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 2006-2010.

Đánh giá tổng quát nội dung TĐT nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006 về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu thông tin kinh tế - xã hội phục vụ công tác nghiên cứu, chỉ đạo điều hành, hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của lãnh đạo các cấp, các ngành trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản nói riêng cũng như toàn bộ nền kinh tế nói chung. Đồng thời nó còn thu thập nhiều thông tin chuyên ngành phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích sâu những thành quả đạt được, những tồn tại và nguyên nhân giúp cho các cấp lãnh đạo có căn cứ đề ra chủ trương, chính sách và giải pháp phù hợp, có hiệu quả.

* Hội Thống kê Việt Nam

Tuy nhiên, hạn chế nhược điểm và bất cập vẫn còn nhiều cần rút kinh nghiệm trong cuộc TĐT năm 2011. Nhược điểm của xác định nội dung Tổng điều tra năm 2006 là ôm đồm quá nhiều vấn đề, quá lớn, nhiều chỉ tiêu điều tra mẫu phức tạp, quá chi tiết, thời gian ngắn... vượt quá yêu cầu và phạm vi của một cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp.

Sự kết hợp quá nhiều nội dung chỉ tiêu với hệ thống phiếu điều tra gồm 7 loại, thu thập hơn 1000 câu hỏi vừa tổng hợp vừa chi tiết chuyên sâu đã làm cho cuộc Tổng điều tra nặng nề, quá tải, gây không ít khó khăn cho khâu tổ chức chỉ đạo TĐT và lãng phí kinh phí, thời gian.

Một số nội dung vượt ra ngoài phạm vi TĐT nông thôn, nông nghiệp nhưng vẫn được thu thập qua các phiếu điều tra, như: An ninh lương thực, vai trò của phụ nữ, tình hình phát triển cơ sở chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản, tình hình hợp tác xã, tổ hợp tác và phát triển làng nghề...-

Tình hình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông, lâm nghiệp và thủy sản, sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn.

Các nội dung về điều tra mẫu quá nhiều, quá chi tiết lại có phần trùng lặp với các cuộc điều tra chuyên môn như chi phí sản xuất các loại cây, con chủ yếu như lúa, chè búp, cà phê, nuôi lợn thịt, nuôi cá tra, cá ba sa, nuôi tôm sú, kinh tế hộ nông thôn (tích lũy, đầu tư, vốn...). Các nội dung này là mới nhưng rất khó thu thập trong Tổng điều tra vì vượt quá khả năng của điều tra viên tại các xã thôn trình độ văn hoá, chuyên môn thấp. Mặt khác số liệu thu thập năm 2005 nhưng đến năm 2008 mới công bố nên giá trị sử dụng bị hạn chế do giá cả thay đổi lớn, tính thời sự của thông tin không còn. Thực tế là chất lượng số liệu thu thập được từ điều tra mẫu không cao so với điều tra chuyên đề về các nội dung trên nhưng chi phí lao động và kinh phí cho điều tra

này rất lớn.

Chúng tôi cho rằng những nội dung trên làm cho cuộc TĐT nặng nề, gây khó khăn trong chỉ đạo thực hiện, tốn kém kinh phí, chất lượng số liệu thu thập bị hạn chế và cũng không có liên quan nhiều đến nội dung chủ yếu của Tổng điều tra.

Kết quả điều tra xã hội học tại 4 tỉnh (Yên Bái, Phú Thọ, Hà Tây, Thái Nguyên) do Hội Thống kê Việt Nam công bố cũng như ý kiến đánh giá của các chuyên gia tại các cuộc hội thảo do Ban chủ nhiệm Đề án Phản biện Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2006, tổ chức đều cho rằng nội dung điều tra và các bảng hỏi thể hiện trong phương án TĐT năm 2006 là quá tải so với yêu cầu và khả năng thực tế.

Phạm vi quá rộng, quy định quá phức tạp, không thật rõ ràng là nhược điểm khá rõ nét trong xác định phạm vi TĐT 2006 cả về điều tra toàn bộ và điều tra mẫu.

Khái niệm về phạm vi điều tra toàn bộ năm 2006 cũng khác các kỳ trước đó. Phạm vi điều tra toàn bộ năm 2006 không bao gồm khu vực thị trấn hoặc phường mới chuyển từ xã lên sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ yếu (trên 60%). Trong khi đó năm 1994 Phương án 104 của TĐT 1994 thì ghi: Đơn vị điều tra toàn bộ gồm toàn bộ các hộ, các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc các ngành nông lâm thủy sản ở khu vực nông thôn, toàn bộ các xã và một số thị trấn, phường mà sản xuất nông nghiệp có vai trò nhất định.

Bài học thứ 2: Xác định đúng các phương pháp sử dụng

Các phương pháp áp dụng trong các khâu của cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006 như xác định số lượng đơn vị điều tra, tập huấn nghiệp vụ, tuyên truyền, chuẩn bị và phân bố tài liệu, kinh phí cho các địa phương, thu thập số liệu tại đơn vị điều tra, kiểm tra, thanh tra,

Kinh nghiệm Tổng điều tra

nghiệm thu, tổng hợp nhanh đều được quy định trong phương án và các quy trình khá cụ thể.

Việc thiết kế các loại phiếu điều tra (kể cả điều tra toàn bộ, điều tra mẫu) đã có nhiều cải tiến để có thể thu thập được đầy đủ các số liệu đáp ứng nhu cầu thông tin của TĐT, về cơ bản các câu hỏi đặt ra đã chọn lọc, tương đối đơn giản, phù hợp với trình độ của phần lớn cán bộ và điều tra viên hiện nay, ít bị trùng, bị bỏ sót và cũng không có nhiều câu hỏi thừa.

Về phương pháp xác định số lượng các đơn vị điều tra thông qua việc thực hiện những quy định cụ thể và chặt chẽ trong việc lập bảng kê các loại đơn vị điều tra. Việc chọn phương pháp lập bảng kê thay cho vẽ sơ đồ trong 55 tỉnh thành (như không vẽ sơ đồ) là một thành công của Ban chỉ đạo Trung ương và là ưu điểm đáng ghi nhận.

Phần lớn điều tra viên đã sử dụng bảng kê trong quá trình điều tra nên tránh tình trạng trùng sót, sau khi điều tra đã ghi rõ ngày điều tra, nhiều trường hợp trong quá trình điều tra, điều tra viên đã phát hiện thêm những đơn vị thuộc đối tượng điều tra còn sót trong khi lập bảng kê.

Phương pháp thu thập thông tin tại địa bàn được quy định chặt chẽ, tổ chức điều tra thí điểm trước khi mở rộng nhờ đó tính khả thi cao. Phương pháp kiểm tra phiếu điều tra tại địa bàn được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên theo các cấp theo đúng quy định của Phương án. Ngoài việc kiểm tra trực tiếp tại các xã, một số huyện đã tập trung toàn số phiếu điều tra trong vài ngày đầu để kiểm tra, xử lý ngay các vấn đề phát sinh và rút kinh nghiệm tổ chức thu thập số liệu cho từng địa bàn, từng điều tra viên. Sau một tuần triển khai thu thập số liệu, hầu hết BCD cấp tỉnh đã có thông báo nghiệp vụ để kịp thời chấn chỉnh và rút kinh nghiệm cho BCD cấp dưới. Vì vậy, những hạn chế trong chỉ đạo và những sai sót về nghiệp vụ trong quá trình thu thập

số liệu được chấn chỉnh và rút kinh nghiệm kịp thời đến toàn bộ lực lượng tham gia Tổng điều tra, nhất là cấp cơ sở. Điểm mới trong công tác thu thập số liệu là các địa phương có sự phân công rõ ràng điều tra viên theo từng loại phiếu điều tra. Tính chất chuyên môn hoá được thể hiện từ tập huấn đến triển khai nên cũng góp phần hạn chế sai sót và nâng cao chất lượng số liệu. Việc giám sát, kiểm tra của tổ trưởng và BCD các cấp ở địa phương và cơ sở được thực hiện ngay từ ngày đầu nên đã phát huy tác dụng tích cực.

Công tác giám sát, kiểm tra được tập trung cao độ vì nó mang tính quyết định đến chất lượng của cuộc điều tra. Hầu như toàn bộ cán bộ cốt cán và nghiệp vụ tốt của ngành Thống kê từ tỉnh đến huyện được huy động tham gia vào công tác này. Tính bình quân mỗi địa bàn điều tra có ít nhất 4-5 lần được giám sát viên các cấp đến kiểm tra. Nhờ vậy đã chấn chỉnh, uốn nắn kịp thời các sai sót, nâng cao trình độ nghiệp vụ của ĐTV và Tổ trưởng. Hàng tuần có tổ chức trực báo tiến độ điều tra theo hệ thống từ xã đến tỉnh để nắm bắt và chỉ đạo kịp thời. Những nơi lực lượng tổ công tác mỏng và yếu, BCD cấp tỉnh cũng chú ý tăng cường hỗ trợ chuyên viên giỏi của Cục Thống kê đảm bảo cho cuộc Tổng điều tra ở đó đạt được kết quả tốt. Nhìn chung, chất lượng của cuộc điều tra đồng đều.

Ưu điểm của phương pháp phúc tra là Ban chỉ đạo Trung ương đã xây dựng được Quy trình phúc tra để hướng dẫn các địa phương thực hiện thống nhất công tác phúc tra. Quy trình phúc tra đã nêu được những quy định cụ thể và chặt chẽ cho từng vấn đề khi tổ chức phúc tra ở địa phương như: Tỷ lệ, nội dung, phương pháp chọn đơn vị phúc tra, phương pháp phúc tra, tổng hợp số liệu phúc tra. Điểm đáng lưu ý là quy trình phúc tra đã quy định rõ và cụ thể trách nhiệm, nhiệm vụ của từng cấp (cấp tỉnh, cấp huyện) trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện

phúc tra.

Hạn chế, nhược điểm về xác định phương pháp sử dụng trong TĐT năm 2006 cần rút kinh nghiệm còn nhiều. Dưới đây là những nhược điểm chủ yếu.

Phương pháp xác định đơn vị điều tra:

Theo quy định của Phương án Tổng điều tra, ban hành theo Quyết định số 288/QĐ-TCTK ngày 27 tháng 3 năm 2006 của Trưởng ban chỉ đạo Tổng điều tra TW, Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2006, tại địa bàn nông thôn của 9 tỉnh: Hải Phòng, Thái Bình, Bắc Ninh, Bình Định, Bình Thuận, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang và Đồng Tháp. Phương pháp xác định số lượng đơn vị điều tra tại địa bàn nông thôn là **“Thực hiện vẽ sơ đồ và lập bảng kê đối với các địa bàn điều tra ở nông thôn. Địa bàn điều tra là một thôn (ấp, bản)... Những thôn quá nhiều hộ (trên 250 hộ đối với miền núi và trên 350 hộ đối với các thôn đồng bằng... có thể chia các thôn thành các địa bàn nhỏ hơn để vẽ sơ đồ)... đảm bảo mỗi địa bàn điều tra có từ 120-200 hộ...”**.

Phương pháp xác định đơn vị điều tra hộ nông thôn trong TĐT năm 2006 là dựa trên sơ đồ và bảng kê. Tuy nhiên, kết quả thực hiện của phương pháp vẽ sơ đồ 9 tỉnh qua thực tế đã bộc lộ nhiều nhược điểm, hạn chế và bất cập lớn so với phương pháp lập bảng kê. Điều này đã gây tốn kém thời gian, kinh phí từ tập huấn đến triển khai xác định số lượng đơn vị điều tra ở các địa phương. Do phải chuẩn bị cho vẽ sơ đồ nên các lớp tập huấn nghiệp vụ cũng như điều tra thử đều đưa nội dung **vẽ sơ đồ** vào chương trình nhưng không đạt kết quả. Cuối cùng, phương án TĐT xác định chọn 9 tỉnh áp dụng phương pháp vẽ sơ đồ kết hợp lập bảng kê. Tại 9 tỉnh này, việc xác định số lượng đơn vị điều tra hộ nông thôn, khối lượng công việc của Ban chỉ đạo mỗi tỉnh đều tăng gấp đôi, do đó kinh phí đầu tư cho khâu công việc này tại các địa phương có vẽ sơ đồ

cũng tăng theo tỷ lệ tương ứng, chưa kể kinh phí địa phương hỗ trợ cho khâu vẽ sơ đồ. Như vậy, kinh phí tăng thêm cho 9 tỉnh có vẽ sơ đồ lên tới trên 600 triệu đồng, riêng ở khâu xác định số lượng đơn vị điều tra (hộ nông thôn).

Tỉnh Bình Định, ngoài kinh phí TW tăng gấp đôi như 8 tỉnh khác được chọn để vẽ sơ đồ, tỉnh còn phải hỗ trợ thêm kinh phí cho Ban chỉ đạo triển khai khâu này do kỹ thuật phức tạp phải huy động cán bộ các ngành khác tham gia vẽ sơ đồ... nên tổng chi phí cho khâu này còn cao hơn nhiều so với định mức của TW. Tốn kém là vậy nhưng kết quả và hiệu quả của vẽ sơ đồ lại không tăng tương xứng, thậm chí còn giảm so với phương pháp lập bảng kê.

Kết quả so sánh tỷ lệ sai số giữa số liệu hộ nông thôn 9 tỉnh thu thập bằng phương pháp vẽ sơ đồ kết hợp với lập bảng kê và số liệu thực tế nghiệm thu sau khi kết thúc TĐT của 9 tỉnh đó là **1,75%. Trong khi đó chỉ tiêu tương ứng của 55 tỉnh còn lại sử dụng phương pháp lập bảng kê chỉ có 0,61%. Một số tỉnh vẽ sơ đồ để xác định số lượng hộ nông thôn có sai số rất lớn như Bình Thuận 7,3%; Thái Bình 3,21%, và Hải Phòng 4,06% thì các tỉnh dùng bảng kê sai số lại rất thấp: Hà Tây 0,16%; Hưng Yên 0,21%; Hải Dương 0,83%.**

Theo báo cáo của Tổ thường trực BCG TW, tỷ lệ kinh phí phân cho khâu vẽ sơ đồ bảng kê so với tổng kinh phí phân bổ cho các địa phương là 5,76%, trong khi đó tỷ lệ này ở 9 tỉnh có vẽ sơ đồ và lập bảng kê đều cao gấp hơn 2 lần tỷ lệ chung. Cụ thể: Hải Phòng 11,02%; Thái Bình 12,29%; Bắc Ninh 11,15%; Bình Định 10,61%; Thành phố Hồ Chí Minh 10,10%; Bình Dương 10,29%; Đồng Tháp 10,23% và Tiền Giang 12,07%, chung cả 9 tỉnh trên 11,24% (chưa tính phần sử dụng ở TW), so với tỷ lệ 4,76% của 55 tỉnh chỉ lập bảng kê, không vẽ sơ đồ. Điều đáng quan tâm ở đây là kinh phí tăng hơn

gấp đôi, kỹ thuật phức tạp, tốn nhiều thời gian và công sức cũng tăng gấp 2,3 lần nhưng kết quả đạt được lại không tăng lên mà ngược lại giảm so với phương pháp rẽ tiền, dễ làm.

Như vậy, việc xác định số lượng đơn vị điều tra trong cuộc tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006 theo phương pháp vẽ sơ đồ (9 tỉnh) thay cho phương pháp lập bảng kê truyền thống là **nhược điểm lớn nhất**, cụ thể nhất, cần rút kinh nghiệm và không nên lặp lại. Bất cập này không chỉ về mặt phương pháp luận, không có tính khả thi, gây tốn kém công sức tiền của nhà nước, chậm thời gian mà còn không phù hợp với thông lệ quốc tế và khuyến cáo của FAO.

Một số nhược điểm khác về phương pháp vẫn còn như: Thiết kế hệ thống phiếu đầu vào chưa đảm bảo thống nhất với phiếu tổng hợp (đầu ra) nên còn nhiều bất cập và gây khó khăn cho điều tra viên thực hiện. Nhiều thông tin đầu vào không được tổng hợp trong hệ thống chỉ tiêu đầu ra nên rất lãng phí thời gian, kinh phí ở tất cả các khâu từ đầu đến kết thúc TĐT.

Phương pháp chọn mẫu hộ điều tra cũng bộc lộ nhiều hạn chế.

2. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Nội dung TĐT: Định hướng các chu kỳ tới là giảm mạnh các nội dung không phù hợp với yêu cầu của Tổng điều tra nông nghiệp, thủy sản theo thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam. Các nội dung điều tra mẫu chuyển sang điều tra chuyên để phù hợp với yêu cầu thông tin có tính thời sự phục vụ công tác quản lý. Nghiên cứu hạn chế hoặc không đưa các nội dung có trong các cuộc điều tra thường xuyên, định kỳ vào TĐT.

Phạm vi TĐT nên rõ ràng và thống nhất từ khái niệm đơn vị, đối tượng điều tra đến chuẩn hoá. Khái niệm và phạm vi địa bàn điều tra như năm 2006, cần bổ sung hoàn thiện. Hướng hoàn thiện là chuẩn hoá phạm vi các đối tượng và đơn vị điều tra cho các chu kỳ TĐT.

Phương pháp xác định đơn vị điều tra: Xuất phát từ kinh nghiệm các nước, gợi ý của FAO và nhất là thực tế triển khai phương pháp xác định số lượng đơn vị cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006, đề nghị định hướng tới là sử dụng một phương pháp duy nhất là lập bảng kê đơn vị hộ nông thôn, hộ nông nghiệp, hộ thủy sản và các loại hộ khác.

Phương pháp chọn mẫu các đơn vị điều tra chất lượng hiệu quả nếu có đưa vào TĐT nên chọn lọc với nội dung ít, phạm vi hẹp, sử dụng các phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và kết hợp phương pháp chuyên gia.

Các chu kỳ TĐT tới nên khai thác tối đa các nguồn tư liệu, số liệu đã có của các cuộc điều tra, tổng điều tra khác (Tổng điều tra dân số, điều tra thu chi gia đình, điều tra trang trại, HTX, kiểm kê đất, rừng..) để tiết kiệm kinh phí, thời gian. Quan hệ giữa 2 hệ thống biểu đầu vào, đầu ra trong cuộc TĐT nên theo hướng lấy hệ thống chỉ tiêu đầu ra làm căn cứ cho xây dựng hệ thống chỉ tiêu đầu vào để tránh lãng phí thông tin thu thập nhưng không tổng hợp. Các thông tin đầu vào và đầu ra của TĐT giữa các chu kỳ nên thống nhất cả nội dung, phương pháp tính để đảm bảo tính so sánh theo thời gian ./.

Chương trình Tổng điều tra nông nghiệp của TỔ CHỨC LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI VÀ TỔNG ĐIỀU TRA NÔNG NGHIỆP CỦA MỸ

Đoàn Dũng*

1. Đặt vấn đề

Tổng điều tra nông nghiệp (Agricultural Census) đã được tiến hành ở 150 nước, vùng lãnh thổ, gồm: 41 nước ở Châu Phi, 23 nước ở Bắc và Trung Mỹ, 13 nước ở Nam Mỹ, 28 nước ở Châu Á, 31 nước ở Châu Âu và 14 nước ở Châu Đại Dương. Ở khu vực Đông nam Á có 6 nước, gồm: Indonexia, Thái Lan, Phillipin, Myanma, Lào và Việt Nam.

Tổ chức Lương thực thế giới (Food Agriculture Organization - FAO) đã xây dựng Chương trình Tổng điều tra nông nghiệp (World Programme for the Census of Agriculture) từ những năm 1920 của Thế kỷ XX. Chương trình này được thực hiện cho tổng điều tra trong 10 năm và được cập nhật cho 10 năm tổng điều tra tiếp theo. Đến nay, đã cập nhật cho tổng điều tra lần thứ 9.

Tổng điều tra nông thôn và nghiệp nghiệp ở Việt Nam là một trong 3 cuộc tổng điều tra lớn đã được ghi trong Luật Thống kê (2003)¹ và được tiến hành theo chu kỳ 5 năm một lần. Đến nay, đã tiến hành được 3 lần tổng điều tra vào các năm 1994, 2001 và 2006. Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp (viết gọn là tổng điều tra nông nghiệp) năm 1994 và 2001 chưa được đánh giá theo một qui trình chặt chẽ để chỉ ra những tồn tại và đề xuất biện pháp khắc phục cho lần tổng điều tra tiếp theo là

một tồn tại lớn. Hay nói khác, 2 lần tổng điều tra trước đây chưa có cơ quan độc lập nào làm nhiệm vụ phản biện. Đề án “Phản biện cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006” do Hội Thống kê đề xuất và thực hiện là một hoạt động thiết thực có ý nghĩa lớn không chỉ về mặt khoa học mà còn có ý nghĩa lớn về kinh tế và xã hội.

Nghiên cứu tài liệu có liên quan, nhất là tài liệu tổng điều tra nông nghiệp của nước ngoài sẽ là nội dung không thể thiếu trong qui trình phản biện tổng điều tra nông nghiệp năm 2006 của Đề án. Bài viết này sẽ giới thiệu những nét rất cơ bản về Chương trình tổng điều tra nông nghiệp của FAO và tổng điều tra nông nghiệp của Mỹ nhằm cung cấp tài liệu để tham chiếu trong quá trình xây dựng nội dung, qui trình phản biện của đề án.

2. Chương trình tổng điều tra nông nghiệp của Tổ chức Lương thực thế giới

- Chương trình tổng điều tra nông nghiệp của Tổ chức Lương thực thế giới (viết gọn là Chương trình Tổng điều tra nông nghiệp của FAO) được xây dựng cho tổng điều tra nông nghiệp lần đầu tiên tiến hành từ năm 1926 đến năm 1935 (WCA 1930) nhằm khuyến nghị các nước tiến hành Tổng điều tra nông nghiệp theo chu kỳ, nội dung nhất quán để có thể so sánh kết quả tổng điều tra giữa các nước

* Viện Khoa học thống kê

¹ Luật Thống kê: Tổng điều tra dân số và nhà ở chu kỳ 10 năm; Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp chu kỳ 5 năm; và Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp chu kỳ 5 năm.

và khu vực; Chương trình tổng điều tra lần thứ 2 từ 1936 đến 1945 (WCA 1940); lần thứ 3 từ 1946 đến 1955 (WCA 1950); lần thứ 4 từ 1956 đến 1965 (WCA 1960); lần thứ 5 từ 1966 đến 1975 (WCA 1970); lần thứ 6 từ 1976 đến 1985 (WCA 1980); lần thứ 7 từ 1986 đến 1995 (WCA 1990); lần thứ 8 từ 1996 đến 2005 (WCA 2000) và lần thứ 9 từ 2006 đến 2015 (WCA 2010). Như vậy, cứ 10 năm Chương trình Tổng điều tra nông nghiệp của FAO được cập nhật một lần (gọi là chu kỳ 10 năm), mỗi chu kỳ tổng điều tra đều có những sửa đổi, bổ sung một số nội dung so với chu kỳ tổng điều tra trước. Tùy theo điều kiện của mỗi nước có thể tiến hành tổng điều tra nông nghiệp 1 lần, hoặc 2 lần, thậm chí hàng năm theo mỗi chu kỳ tổng điều tra nông nghiệp của FAO. Chẳng hạn: Một số nước, như: Mỹ, Canada, Ấn độ... tiến hành tổng điều tra nông nghiệp 2 lần trong 1 chu kỳ tổng điều tra của FAO (chu kỳ 5 năm/lần); một số nước khác, như: Phillippine, Indonesia, Thổ Nhĩ kỳ, Úc, Pakistan... tiến hành tổng điều tra 1 lần trong 1 chu kỳ tổng điều tra của FAO (chu kỳ 10 năm/lần); một số nước khác nữa lại tiến hành tổng điều tra nông nghiệp hàng năm, như: Bỉ, Luxembourg, Hà Lan... Hiện nay, có một số nước mới tiến hành tổng điều tra nông nghiệp lần đầu, như: Trung Quốc, Angeri, Maroc, Butan, Rumani, Bồ đào Nha... Thái Lan, từ chu kỳ tổng điều tra lần thứ 7 (WCA 1990) đã tiến hành tổng điều tra 2 lần trong 1 chu kỳ của FAO (các chu kỳ trước chỉ tổng điều tra 1 lần).

Việt Nam tiến hành Tổng điều tra nông nghiệp lần đầu tiên vào năm 1994 thuộc chu kỳ tổng điều tra lần thứ 7 (WCA 1990) của FAO; tổng điều tra lần thứ 2 vào năm 2001 thuộc chu kỳ tổng điều tra lần thứ 8 (WCA 2000); tổng điều tra lần thứ 3 (năm 2006) và tổng điều tra lần thứ 4 (năm 2011) sẽ nằm chọn trong chu kỳ tổng điều tra lần thứ 9 (WCA 2010) của FAO. Như vậy, Việt Nam tiến hành tổng điều tra nông nghiệp theo chu kỳ 5 năm/lần, từ tổng điều tra nông nghiệp lần thứ 3 trở đi sẽ nằm chọn trong chu kỳ tổng điều tra nông nghiệp của FAO.

Điều đó nói nên rằng tổng điều tra nông nghiệp của Việt Nam không những đã hoà nhập vào chương trình tổng điều tra nông nghiệp của thế giới mà còn nằm cùng nhóm với Mỹ, Canada và Ấn độ (xét về chu kỳ điều tra).

- Tài liệu hướng dẫn tổng điều tra nông nghiệp của FAO: Chương trình tổng điều tra nông nghiệp 2010 của FAO (WCA) đã cung cấp bộ tài liệu khá chi tiết về tổng điều tra nông nghiệp, gồm 12 chương: (1) Giới thiệu chung; (2) Tầm quan trọng của tổng điều tra nông nghiệp; (3) Phương pháp luận tổng điều tra; (4) Nội dung/chỉ tiêu tổng điều tra; (5) Dữ liệu cấp xã; (6) Quan hệ giữa Tổng điều tra nông nghiệp với Tổng điều tra dân số và các cuộc tổng điều tra khác; (7) Kết hợp Tổng điều tra nông nghiệp với tổng điều tra thủy sản; (8) Thu thập bổ sung số liệu nông nghiệp của hộ gia đình không phải là đơn vị sản xuất nông nghiệp; (9) Chương trình điều tra nông nghiệp; (10) Các dàn mẫu cho tổng điều tra và điều tra nông nghiệp; (11) Các khái niệm, định nghĩa sử dụng trong tổng điều tra nông nghiệp; (12) Phiếu điều tra và hệ thống biểu tổng hợp.

Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp 2006 của Việt Nam cũng đã cố gắng soạn thảo và ban hành một số tài liệu phục vụ tổng điều tra, tuy nhiên, nếu so với bộ tài liệu nói trên của Chương trình tổng điều tra nông nghiệp 2010 của FAO sẽ còn khoảng cách khá lớn.

- Nội dung thông tin trong tổng điều tra nông nghiệp: Chương trình tổng điều tra nông nghiệp 2010 của FAO cũng đưa ra nội dung (chỉ tiêu) thông tin cần thu thập trong tổng điều tra và đưa ra khái niệm, định nghĩa và nội dung từng chỉ tiêu, nhằm hướng các nước thu thập được những thông tin đạt chuẩn mực quốc tế. Nội dung thông tin cần thu thập trong chương trình tổng điều tra 2010 của FAO, gồm 13 nhóm thông tin khác nhau: (1) Thông tin chung; (2) thông tin về đất đai; (3) thông tin về tưới tiêu và quản lý nước; (4) thông tin về trồng trọt; (5) thông tin về chăn nuôi; (6) thông tin về áp dụng các biện pháp kỹ thuật; (7) thông tin về dịch vụ nông

ng nghiệp; (8) thông tin về đặc trưng nhân khẩu học và xã hội học; (9) thông tin về lao động; (10) thông tin về an ninh lương thực trong các hộ gia đình; (11) thông tin về nuôi trồng thủy sản; (12) thông tin về lâm nghiệp; và (13) thông tin về quản lý trang trại.

Trong mỗi nhóm thông tin nói trên đều gồm một số thông tin cốt lõi và một số thông tin bổ sung. Ví dụ: Nhóm thông tin về đất đai, thông tin cốt lõi là tổng diện tích đất, loại đất đang sử dụng, loại đất đang sở hữu...; thông tin bổ sung là diện tích từng thửa đất, diện tích đất cho thuê, năm bắt đầu canh tác, năm chuyển đổi canh tác, hiện trạng suy giảm đất...

- Quan hệ giữa tổng điều tra nông nghiệp với tổng điều tra dân số: Chương trình tổng điều tra nông nghiệp 2010 của FAO cũng đưa ra 8 điểm liên quan giữa tổng điều tra nông nghiệp với tổng điều tra dân số: (1) Đơn vị điều tra; (2) Sử dụng chung các khái niệm, định nghĩa và các bảng phân loại; (3) Sử dụng chung tài liệu thực địa; (4) Sử dụng danh sách hộ gia đình của tổng điều tra dân số làm dàn mẫu của tổng điều tra nông nghiệp; (5) Sử dụng số liệu liên quan đến tổng điều tra nông nghiệp từ các cuộc tổng điều tra dân số; (6) Thu thập bổ sung các số liệu liên quan đến tổng điều tra nông nghiệp trong tổng điều tra dân số; (7) Liên kết số liệu từ hai cuộc tổng điều tra; (8) Thực hiện điều tra kết hợp tại thực địa.

Chương trình tổng điều tra nông nghiệp 2010 của FAO có thể coi là tài liệu chuẩn quốc tế duy nhất để các nước vận dụng vào tổng điều tra nông nghiệp trong giao đoạn 2006 - 2015. Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp của nước ta đã được tiến hành năm 2006 và tổng điều tra tiếp theo vào năm 2011 sẽ rất thuận lợi cả về phương diện phương pháp luận cũng như kinh nghiệm tổng điều tra của các nước. Đồng thời Chương trình tổng điều tra nông nghiệp 2010 của FAO cũng là căn cứ quan trọng để phản biện tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2006 của nước ta đạt mức nào theo chuẩn mực quốc tế.

3. Tổng điều tra nông nghiệp của Mỹ

Mỹ đã tiến hành tổng điều tra nông nghiệp đầu tiên vào năm 1840 và tiến hành định kỳ liên tục từ đó đến nay. Tư liệu về tổng điều tra nông nghiệp của Mỹ có thể khai thác trên website:

<http://www.agcensus.usda.gov>.

Tổng điều tra nông nghiệp năm 2007 và tiếp theo vào năm 2012 của Mỹ sẽ nằm chọn vào vòng thứ 9 của Chương trình tổng điều tra nông nghiệp của FAO (WAC 2010). Đến tháng 12 năm 2007 là giai đoạn thu thập thông tin của tổng điều tra năm 2007, kết thúc giai đoạn thu thập thông tin vào ngày 4/2/2008. Do hạn chế về thời gian, bài viết này chỉ tập trung giới thiệu phiếu điều tra được sử dụng trong tổng điều tra nông nghiệp năm 2007 của Mỹ.

Tổng điều tra nông nghiệp năm 2007 của Mỹ chỉ sử dụng một phiếu điều tra dày 24 trang giấy khổ A4, gồm 35 phần: (1) diện tích; (2) đất; (3) thủy lợi; (4) chương trình bảo tồn thiên nhiên và bảo hiểm mùa vụ; (5) thu hoạch mùa vụ; (6) công suất dự trữ lương thực; (7) thu hoạch cỏ và thức ăn gia súc; (8) trồng rừng và cây lấy gỗ; (9) ươm giống, trồng rau trong nhà, trồng hoa, nấm, hạt giống rau; (10) các loại rau, khoai tây và các loại dưa; (11) hoa, quả và hạt; (12) cây quả; (13) gia súc; (14) cừu; (15) gia cầm; (16) lợn; (17) thủy sản; (18) ong; (19) chăn nuôi gia súc và gia cầm khác; (20) hợp đồng sản xuất và cung cấp cho khách hàng; (21) giá trị bán hàng; (22) Các sản phẩm hữu cơ trong nông nghiệp; (23) vay từ các công ty kinh doanh tín dụng hàng hóa; (24) thanh toán từ chương trình nông nghiệp bang và liên bang; (25) thu nhập từ các nguồn có liên quan đến nông nghiệp; (26) chi phí sản xuất; (27) lao động nông nghiệp; (28) sử dụng phân bón; (29) giá thị trường của đất đai, nhà xưởng, máy móc thiết bị; (30) máy móc thiết bị; (31) hoạt động nông nghiệp trong ranh giới các khu bảo tồn; (32) thực tiễn hoạt động; (33) loại hình tổ chức; (34) lực lượng điều hành;

(Xem tiếp trang 45)